

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17.01.2025

“*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Lương Hữu Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Chế Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 373/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị R, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Thạch R1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2024 và bản tự khai của nguyên bà Thạch Thị R trình bày: Năm 2009 chị R và anh R1 có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau sau một thời gian quen biết và tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý cho phép tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2009 nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng về sống bên nhà cha, nẹ ruột chị tại ấp T, xã K, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường bất hoà, cự cãi và nặng nề nhau hàng ngày. Từ đó, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên anh R1 đã dọn ra sống riêng bên ngoài, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, cả hai bên không ai tạo điều kiện để hàn gắn.

Nay nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị R yêu cầu được ly hôn với anh R1.

Về con chung: Có 01 người con tên Thạch Thị Phương V, sinh ngày 09/12/2009 chị Thạch Thị R yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung (phù hợp với nguyện vọng của cháu V) và chị Thạch Thị R không yêu cầu anh Thạch R1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu Thạch Thị Phương V, sinh ngày 09/12/2009 có nguyện vọng chung sống với chị Thạch Thị R.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2024 bị đơn anh Thạch R1 trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị R là sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên anh và chị R tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chung với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường bất hoà, cự cãi nên anh đã dọn ra sống riêng và ly thân từ năm 2019 đến nay không ai tạo điều kiện để hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị R.

Về con chung: Có một người con tên Thạch Thị Phương V, sinh ngày 09/12/2009, anh R1 thống nhất giao cho chị R được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thạch R1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn chị Thạch Thị R và anh Thạch R1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Rête và anh Rung theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do gia đình mai mối và được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên chị R và anh R1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống rất rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay; việc này cả chị R và anh R1 đều thừa nhận nên chị R và anh R1 cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung

sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Đối chiếu với trường hợp của chị R và anh R1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận chị R và anh R1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tên Thạch Thị Phương V, sinh ngày 09/12/2009 anh R1 thống nhất giao cho chị R được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu V muốn sống cùng với chị R) và chị R không yêu cầu anh R1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị R và anh Thạch R1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Thạch Thị R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị R và anh Thạch R1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị Phương V, sinh ngày 09/12/2009 cho chị Thạch Thị R được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu V). Anh Thạch R1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Chị Thạch Thị R phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Thạch Thị R đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002779, ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh nên anh R1 không phải nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Ngọc Châu – Nguyễn Thị Thủy Trang

Sơn Thị Sô Tha

